TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ M** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12/06/2023
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Thuận Thảo**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Ngọc Đào**.
2. Bà **Nguyễn Thị Kiều Hương**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M tham gia phiên toà: Ông **Nguyễn Trọng Lễ** – Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Kim Ngân -** Thư ký Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 12 tháng 06 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 87/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2023/QĐXX-ST ngày 11 tháng 05 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2023/QĐST – HN ngày 30 tháng 05 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Kim D**, sinh năm 1988. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. **Bị đơn**: Anh **Nguyễn Xuân T**, sinh năm 1983. (Vắng mặt)

Địa chỉ: H, Phường C, TP M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Kim D trình bày:**

Chị Trần Thị Kim D và anh Nguyễn Xuân T tự nguyện sống chung vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, TP M, tỉnh Tiền Giang ngày 16/04/2011. Anh chị sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2017 thì có mâu thuẫn trầm trọng xảy ra. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, anh T không quan tâm đến vợ con, thường xuyên gây nợ nần. Anh chị đã tự ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Nay xét thấy tình

cảm vợ chồng đã hết không còn khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Xuân T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Xuân Phúc A, sinh ngày 18/12/2017 hiện nay cháu đang sống với mẹ. Chị Trần Thị Kim D yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Xuân Phúc A do cháu còn nhỏ cần mẹ chăm sóc. Chị D yêu cầu anh Nguyễn Xuân T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu A tròn 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Xuân T, Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã thực hiện việc tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng thủ tục hợp lệ. Bị đơn anh Nguyễn Xuân T dù đã nhận Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng không nộp bản tự khai trình bày ý kiến của mình, không dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M có ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vắng mặt không lý do, không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Kim D đối với anh Nguyễn Xuân T. Giao cháu Nguyễn Xuân Phúc A, sinh ngày 18/12/2017 cho chị D trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Anh T có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con chung với mức 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Nguyễn Xuân Phúc A 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Kim D là tranh

chấp "Ly hôn". Bị đơn anh Nguyễn Xuân T cư trú tại H, Phường C, TP M, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Xuân T vắng mặt không có lý do tại phiên tòa mặc dù đã được tống đạt hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Xuân T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kim D và anh Nguyễn Xuân T tự nguyện sống chung từ năm 2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, TP M, tỉnh Tiền Giang ngày 16/04/2011 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Nhận thấy mâu thuẫn giữa chị Trần Thị Kim D và anh Nguyễn Xuân T là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T không quan tâm đến vợ con, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống nên dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy, mục đích của hôn nhân giữa chị Trần Thị Kim D và anh Nguyễn Xuân T không đạt được, tình cảm vợ chồng đã hết không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài nên anh chị đã tự ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Do vậy chị Trần Thị Kim D yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Xuân T là có cơ sở.

Yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Kim D là có căn cứ theo Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Xuân Phúc A, sinh ngày 18/12/2017. Chị Trần Thị Kim D yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Xuân Phúc A do cháu còn nhỏ cần mẹ chăm sóc. Tại phiên tòa, chị D yêu cầu anh Nguyễn Xuân T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Nguyễn Xuân Phúc A tròn 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng khi án có hiệu lực pháp luật.

Yêu cầu của chị Trần Thị Kim D là phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Kim D trình bày chị và anh Nguyễn Xuân T không có tài sản chung và nợ chung. Anh Nguyễn Xuân T không đến tham dự phiên tòa và không gởi văn bản trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét đến tài sản chung và nợ chung của anh chị. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ kiện khác.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị Kim D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Anh Nguyễn Xuân T phải chịu án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Kim D.

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Kim D được ly hôn với anh Nguyễn Xuân T.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Xuân Phúc A, sinh ngày 18/12/2017. Chị Trần Thị Kim D được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Xuân Phúc A. Anh Nguyễn Xuân T phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 1.500.000 đồng/tháng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nguyễn Xuân Phúc A tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được ngăn cản người đó thực hiện quyền nầy.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Kim D trình bày chị D và anh Nguyễn Xuân T không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Kim D phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí thành án phí hôn nhân sơ thẩm (theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0023397 ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang).

Anh Nguyễn Xuân T phải chịu 300.000 đồng án phí nghĩa vụ cấp dưỡng.

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Thị Thuận Thảo

Nơi nhận:
- VKSND. TP M, Tiền Giang;
- Chi cục THADS. TP M, Tiền Giang;
- UBND Phường B, TP M, Tiền Giang;
- Các đương sự;